



Câu I (3,0 điểm)

1. Nhiệt độ không khí do đâu mà có? Phân biệt đới khí hậu và kiểu khí hậu.
2. Hiệu ứng nhà kính đang tồn tại trên Trái Đất có ý nghĩa gì với sự sống của loài người.

Câu II (2,0 điểm)

Phân tích mối quan hệ giữa sản xuất vật chất với các hoạt động dịch vụ. Nêu nguyên nhân của hiện tượng chuỗi cung ứng toàn cầu đang bị đứt gãy từ cuối năm 2019 đến nay.

Câu III (3,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Phân tích những ảnh hưởng từ vị trí địa lí tới các đặc điểm của thiên nhiên Việt Nam.
2. Tại sao địa hình vùng ven biển nước ta đa dạng?

Câu IV (3,0 điểm)

1. Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy phân tích sự khác biệt về chế độ nhiệt giữa hai miền khí hậu phía Bắc và phía Nam nước ta.

2. Tại sao nói Việt Nam là một trong số các quốc gia phải chịu những ảnh hưởng nặng nề từ biến đổi khí hậu toàn cầu, đề xuất các giải pháp nhằm thích ứng.

Câu V (3,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Phân tích những thay đổi trong cơ cấu sử dụng lao động của nước ta hiện nay.
2. Vì sao năng suất lao động xã hội của nước ta còn thấp? Giải pháp cho vấn đề này.

Câu VI (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

**KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ PHÂN THEO LOẠI HÌNH VẬN TẢI
Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020**

(Đơn vị tính: Triệu tấn)

Năm	Tổng số	Đường sắt	Đường bộ	Đường thủy	Hàng không
2010	800,9	7,9	587,0	205,8	0,2
2012	961,2	7,0	717,9	236,1	0,2
2014	1078,6	7,2	821,7	249,5	0,2
2016	1255,4	5,2	969,7	280,2	0,3
2018	1539,3	5,7	1207,7	325,5	0,4
2020	1627,7	5,2	1307,9	314,3	0,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, Nhà xuất bản thống kê 2021)

Từ bảng số liệu trên và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích về khối lượng vận chuyển hàng hoá phân theo loại hình vận tải ở nước ta giai đoạn 2010 - 2020.

Câu VII (3,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy chứng minh Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực - thực phẩm trọng điểm của cả nước và giải thích.

-----HẾT-----

Ghi chú: Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam để làm bài.

Họ và tên thí sinh:Số báo danh.....

Chữ ký giám thị 1: Chữ ký giám thị 2:.....

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM MÔN ĐỊA LÝ

Câu	Ý	Nội dung chính cần đạt	Điểm
Câu I 3,0 điểm	1	Nhiệt độ không khí do đâu mà có? Phân biệt đới khí hậu và kiểu khí hậu.	1,50
		<p>* Nguyên nhân sinh ra nhiệt độ không khí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu do bức xạ sóng dài từ mặt đất, sau khi bị đốt nóng, hấp thụ nguồn bức xạ từ Mặt Trời (47%); sau đó phản hồi lại khí quyển 4%. - Một phần do bức xạ khí quyển sau khi khí quyển tiếp nhận hấp thụ năng lượng từ Mặt Trời (19%), bức xạ ra xung quanh. <p>* Phân biệt đới khí hậu và kiểu khí hậu:</p> <p>* Phân biệt dựa vào nhân tố hình thành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân tố chủ đạo dẫn tới sự phân chia thành các đới khí hậu xuất phát từ bức xạ nhiệt của Mặt Trời tới bề mặt cầu của Trái Đất (phân bố theo vĩ độ địa lý)... - Nhân tố dẫn tới sự hình thành các kiểu khí hậu (tính chất lục địa – đại dương) → quy luật địa ô; nhân tố địa hình (hướng sườn, độ cao) → phân chia thành nhiều kiểu khí hậu khác nhau. <p>* Phân biệt dựa vào phạm vi, phân bố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đới khí hậu sở hữu những không gian rộng theo chiều vĩ tuyến (chứa cả các kiểu khí hậu trong đó) - Kiểu khí hậu diễn ra ở các phạm vi hẹp hơn (mang tính khu vực, địa phương); chịu sự chi phối chung khi các kiểu trong cùng một đới) 	0,25 0,25 0,25 0,25
	2	Hiệu ứng nhà kính đang tồn tại trên Trái Đất có ý nghĩa gì với sự sống của loài người.	1,50
		<ul style="list-style-type: none"> - Khí quyển, với cấu trúc 5 tầng; đặc biệt tầng đối lưu với các thành phần khí (CO₂; O₂...) và các phân tử vật chất rắn (tro, bụi, các loại muối, vi sinh vật...). - Bầu khí quyển (tầng đối lưu) bao quanh Trái Đất được ví như một nhà kính với chức năng: <ul style="list-style-type: none"> + Hấp thụ trực tiếp bức xạ Mặt Trời (giảm bớt nhiệt cho Trái Đất vào ban ngày). + Hấp thụ bức xạ mặt đất, giữ lại nhiệt cho bề mặt Trái Đất vào ban đêm... <p>→ Điều tiết nhiệt độ ngày – đêm phù hợp với sự sống.</p>	0,50 0,50
		<ul style="list-style-type: none"> - Tuy nhiên việc gia tăng hiệu ứng nhà kính hiện nay (do nồng độ CO₂ và các phân tử tro bụi trong khí quyển tăng) → gia tăng khả năng hấp thụ, giữ nhiệt đã đẩy nhiệt độ không khí trên Trái Đất tăng... - Nhiệt độ không khí trên Trái Đất tăng, kéo theo sự thay đổi tiêu cực của nhiều thành phần tự nhiên (thủy quyển, sinh quyển...) → đe dọa sự sống loài người... 	0,25 0,25
Câu II 2,0 điểm		Phân tích mối quan hệ giữa sản xuất vật chất với các hoạt động dịch vụ. Nêu nguyên nhân của hiện tượng chuỗi cung ứng toàn cầu đang bị đứt gãy từ cuối năm 2019 đến nay.	2,00
		<p>* Phân tích mối quan hệ giữa sản xuất vật chất với các hoạt động dịch vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất vật chất tác động đến các hoạt động dịch vụ: <ul style="list-style-type: none"> + Cung cấp cơ sở vật chất, kĩ thuật, nguồn hàng và nguồn lực lao động..(diễn giải) + Quyết định đến quy mô và sự phân bố của các hoạt động dịch vụ..(diễn giải) - Các hoạt động dịch vụ tác động đến sản xuất vật chất: <ul style="list-style-type: none"> + Tham gia đặc lực vào quá trình tái sản xuất xã hội... + Tác động tới quy mô, phân bố và sự phát triển của các ngành sản xuất vật chất..(diễn giải, lấy ví dụ cụ thể). Không diễn giải và VD cụ thể chỉ cho 50% điểm <p>* Nguyên nhân của hiện tượng chuỗi cung ứng toàn cầu đang bị đứt gãy từ cuối năm 2019 đến nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do hệ quả của toàn cầu hoá nền kinh tế, biểu hiện của sự hội nhập và hợp tác sâu rộng → dẫn đến sự phụ thuộc lẫn nhau về nguyên nhiên liệu và các sản phẩm dịch vụ 	0,25 0,25 0,25 0,50 0,25

		<p>trong các quá trình sản xuất.</p> <p>- Đại dịch COVID_19 xuất hiện trên phạm vi toàn cầu → các quốc gia, vùng lãnh thổ phải thực hiện các biện pháp phong tỏa, giãn cách → các hoạt động lưu thông, phân phối bị ngừng trệ đã dẫn tới chuỗi cung ứng toàn cầu đang vận hành nhốn nhịp bị đứt gãy → ảnh hưởng lớn tới các hoạt động sản xuất và đời sống xã hội...</p>	0,50
Câu III 3,0 điểm	1	<i>Phân tích những ảnh hưởng từ vị trí địa lí tới các đặc điểm của thiên nhiên Việt Nam.</i>	1,50
		- <i>Khái quát 4 đặc điểm chung của thiên nhiên Việt Nam. (Thưởng 0,25 nếu tổng điểm ý này chưa đạt tối đa)</i>	
		- <i>Đất nước nhiều đồi núi: Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ, chủ yếu do vị trí địa lí nước ta nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của các vận động kiến tạo hình thành và phát triển lãnh thổ tạo nên...</i>	0,25
		- <i>Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa:</i> + Vị trí nội chí tuyến: quy định tính chất nhiệt đới của khí hậu, các thành phần tự nhiên và cảnh quan thiên nhiên Việt Nam.	0,25
		+ Nằm ở trung tâm khu vực gió mùa châu Á → chịu ảnh hưởng mạnh của các loại gió thổi theo mùa → tạo nên nhịp điệu mùa của khí hậu và các thành phần của cảnh quan thiên nhiên Việt Nam.	0,25
		- <i>Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển:</i> Do vị trí địa lí nước ta nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, giáp biển Đông → quy định tính chất bán đảo → thiên nhiên ẩm và chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.	0,25
	- <i>Thiên nhiên phân hóa đa dạng:</i> + Nằm ở nơi giao nhau của nhiều đơn vị kiến tạo, trải qua nhiều giai đoạn lịch sử kiến tạo khác nhau → tạo nên sự phân hóa đa dạng về địa hình.	0,25	
	+ Nước ta nằm trên vành đai sinh khoáng châu Á - Thái Bình Dương, trên đường di lưu và di cư của nhiều loài động thực vật nên có nhiều tài nguyên khoáng sản và tài nguyên sinh vật phong phú.	0,25	
	2	<i>Tại sao địa hình vùng ven biển nước ta đa dạng?</i>	1,50
		* Khái quát về sự đa dạng của địa hình vùng ven biển của nước ta...	0,25
		* Nguyên nhân dẫn đến sự đa dạng:	
		- Lịch sử hình thành lãnh thổ lâu dài, trải qua nhiều giai đoạn...	0,25
		- Hình dáng lãnh thổ kéo dài, đường bờ biển trải dài 3260 km...	0,25
		- Chịu tác động của các hoạt động nội lực, ngoại lực:	
		+ Nội lực: với các hoạt động nâng cao, hạ thấp địa hình, bồi lấp các vùng trũng lục địa sát biển, đứt gãy ven biển...	0,25
		+ Ngoại lực: với tác động của gió...sóng, thủy triều, dòng biển; sông ngòi và các hoạt động của con người... <i>(diễn giải)</i>	0,50
Câu IV 3,0 điểm	1	<i>Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy phân tích sự khác biệt về chế độ nhiệt giữa 2 miền khí hậu phía Bắc và phía Nam nước ta.</i>	2,00
		* Khái quát phạm vi, giới hạn <i>(Thưởng 0,25 nếu tổng điểm ý này chưa đạt tối đa)</i>	
		* Biểu hiện của sự khác biệt: <i>(dẫn chứng và diễn giải)</i>	
		- Nền nhiệt trung bình năm...	0,25
		- Biên độ nhiệt năm...	0,25
		* Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt:	
	- Do vị trí địa lí (gần chí tuyến – gần xích đạo...).	0,25	
	- Khoảng cách giữa 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh...	0,25	
	- Do tác động của các loại gió:		
	+ Gió mùa <i>(diễn giải)</i>	0,50	
	+ Gió Tín phong <i>(diễn giải)</i>	0,25	

		+ Gió Tây khô nóng (<i>diễn giải</i>)	0,25
	2	Tại sao nói Việt Nam là một trong số các quốc gia phải chịu những ảnh hưởng nặng nề từ biến đổi khí hậu toàn cầu. Đề xuất các giải pháp nhằm thích ứng.	1,00
		- Nêu khái quát những hiểu biết về biến đổi khí hậu toàn cầu...	0,25
		- Việt Nam là 1 là một quốc gia ven biển...Tiềm lực kinh tế, cơ sở vật chất hạn chế, chưa thể ứng phó hiệu quả trước những biến đổi của khí hậu.	0,25
		- Giải pháp nhằm thích ứng:	
		+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (đặc biệt trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp).	0,25
		+ Có những hành động thiết thực, cùng chung tay với toàn cầu làm giảm các tác nhân gây ô nhiễm (khí quyển, nguồn nước, đất đai...), bảo vệ đa dạng sinh học...	0,25
	1	Phân tích những thay đổi trong cơ cấu sử dụng lao động của nước ta hiện nay.	1,50
		* <i>Biểu hiện thay đổi trong cơ cấu sử dụng lao động:</i>	
		- Sự thay đổi trong sử dụng lao động giữa các ngành kinh tế...(diễn giải).	0,25
		- Sự thay đổi trong sử dụng lao động giữa các thành phần kinh tế... (diễn giải).	0,25
		- Sự thay đổi trong sử dụng lao động giữa các vùng lãnh thổ ... (diễn giải).	0,25
		* <i>Nguyên nhân:</i>	
		- Công cuộc Đổi mới đất nước, quá trình công nghiệp hoá đang diễn ra...	0,25
		- Xu thế hội nhập khu vực và quốc tế...	0,25
		- Trình độ và nhu cầu việc làm của người lao động...	0,25
Câu V	2	Vì sao năng suất lao động xã hội của nước ta còn thấp? Giải pháp cho vấn đề này.	1,50
3,0		* <i>Nguyên nhân:</i>	
điểm		- Do trình độ lao động (thiếu tác phong công nghiệp, số lượng qua đào tạo còn ít...)	0,50
		- Cơ sở vật chất kĩ thuật, phương tiện và điều kiện làm việc cho người lao động còn hạn chế...	0,25
		- Số lượng việc làm chưa tương xứng với quy mô nguồn lao động (lao động nông nghiệp còn nhiều thời gian nông nhàn)...sử dụng lao động chưa hợp lí...	0,25
		* <i>Giải pháp:</i>	
		- Nâng cao trình độ lao động để có thể thích ứng linh hoạt trong mọi hoàn cảnh, khả năng tiếp cận được nhiều việc làm.	0,25
		- Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, tạo nhiều việc làm, phân công và sử dụng lao động hợp lí.	0,25
		* Nhận xét về khối lượng vận chuyển hàng hoá của các loại hình vận tải	
		- Tổng khối lượng vận chuyển hàng hoá tăng liên tục (dẫn chứng sau 10 năm: 2020 so với 2010 tăng > 2 lần; tăng TB mỗi năm khoảng 80 triệu tấn hàng hoá...).	0,25
		- Vận tải đường bộ (ôtô) vẫn dẫn đầu về tỷ trọng (...); KLVC tăng liên tục (<i>dẫn chứng</i>)	0,25
		- Vận tải đường thuỷ đứng vị trí thứ 2 (...) song mức tăng chưa ổn định...	0,25
		- Vận tải đường sắt: tỉ trọng thấp (...) xu hướng giảm KLVC (...)	0,25
		- Hàng không có KLVC hàng hoá rất thấp, mức tăng không đáng kể (...)	0,25
		* Giải thích:	
		- Tổng KLVC hàng hoá tăng là do:	
		+ Sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu vận chuyển lớn và tăng...	0,25
		+ Cơ sở vật chất đầu tư cho GTVT được quan tâm đầu tư (đường xá, phương tiện)	0,25
		- Vận tải đường bộ ở nước ta vẫn là phương tiện có nhiều ưu thế trong cạnh tranh, hoạt động khá hiệu quả, phù hợp với đặc điểm địa hình và không gian lãnh thổ...	0,25
		- Vận tải đường thuỷ (thuỷ nội địa + Đường biển) đang được chú trọng phát triển (đặc biệt đường biển) phục vụ cho hoạt động xuất nhập khẩu, hội nhập quốc tế.	0,25
		- Vận tải đường sắt: do những hạn chế về đầu tư nâng cấp các tuyến vận tải, phương tiện vận tải, hoạt động không hiệu quả...	0,25
		- Vận tải hàng không với chi phí cao, nên khó cạnh tranh trong vận tải hàng hoá...	0,25
		- Giai đoạn 2018 – 2020: tổng KLVC tăng chậm lại; các loại hình vận tải (đường sắt, đường thuỷ, hàng không) còn bị giảm, nguyên nhân do nước ta và toàn thế giới nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch COVID_19...	0,25
Câu VI			
3,0			
điểm			

Câu VI 3,0 điểm	Chứng minh Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực – thực phẩm trọng điểm của cả nước và giải thích.	3,00
	* Chứng minh:	
	- Trọng điểm sản xuất lương thực (lúa gạo): (Đọc Atlát trang 19)	
	+ Tất cả các địa phương đều có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực đạt >90%.	0,25
	+ Các địa phương đều có diện tích lúa và đạt sản lượng cao hơn các tỉnh thành trong cả nước (dẫn chứng)	0,50
	- Trọng điểm về thực phẩm:	
	+ Thực phẩm từ cây trái: Vùng trồng cây ăn quả nhiệt đới lớn (Trang 18...)	0,25
	+ Thực phẩm từ chăn nuôi (Trang 19...); đặc biệt thực phẩm từ thủy sản (Trang 20)	0,50
	các địa phương đều phát triển mạnh cả về nuôi trồng và đánh bắt (đặc biệt nuôi trồng thủy sản nước ngọt – cá da trơn dẫn đầu cả nước).	
	* Giải thích:	
- Các thuận lợi về điều kiện tự nhiên:		
+ Diện tích đất phù sa màu mỡ (trang 11...) khí hậu với nền nhiệt ẩm cao và ổn định (trang 9...) → thích hợp cho sản xuất lúa gạo, cây ăn quả, rau đậu thực phẩm...	0,50	
+ Mạng lưới sông ngòi dày đặc (diện tích mặt nước lớn)... → đáp ứng nguồn nước tưới, đặc biệt cho nuôi trồng thủy sản...	0,25	
(Nếu nhắc tới vị trí, giáp ĐNB: nơi tiêu thụ, cung cấp TLSX...) → <i>Thưởng 0,25 nếu chưa đạt tối đa điểm toàn câu.</i>		
- Các thuận lợi về điều kiện kinh tế, xã hội:		
+ Vùng tập trung đông dân cư (trang 15) → lợi thế về nguồn lao động và thị trường tiêu thụ...	0,25	
+ Cơ sở vật chất: Với mạng lưới giao thông rộng khắp (đường sông, đường bộ...Tr 23); nơi tập trung nhiều cơ sở chế biến lương thực – thực phẩm (trang 22...) → đã hỗ trợ đắc lực cho phát huy thế mạnh sản xuất LT-TP của vùng...	0,50	
TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI, 7 CÂU		20,00